

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2024/HS-ST
Ngày 18 – 6 – 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Bé Hai
- Ông Phan Kiên Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Kim Huyền – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 42/2024/TLST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2024/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Ngọc T, sinh năm 1962 tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: Tổ A, Khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T1 (chết) và bà Trần Thị M (chết); vợ Trần Thị Kim H và 03 người con (lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1997).

Tiền sự: Không.

Tiền án: có 05 tiền án, cụ thể:

- Lần thứ nhất: Tại bản án số 22/2014/HSST ngày 26/4/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

- Lần thứ 2: Tại bản án số 42/2015/HSST ngày 07/5/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

- Lần thứ 3: Tại bản án số 26/2016/HSST ngày 28/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản.

- Lần thứ 4: Tại bản án số 153/2018/HSST ngày 14/6/2018 của Tòa án nhân dân Quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản.

- Lần thứ 5: Tại bản án số 68/2020/HS-ST ngày 17/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự, chấp hành xong án phạt tù vào ngày 11/12/2023.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/01/2024 đến nay và có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Bà Võ Thị Kim T2, sinh năm 1972; nơi cư trú: ấp P, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11/12/2023, Trần Ngọc T chấp hành xong án phạt tù 03 năm 06 tháng theo Bản án số 68 ngày 17/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long về tội Trộm cắp tài sản. Sau khi được trả tự do, T không đến trình diện tại nơi cư trú: Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh An Giang mà sống lang thang tại thành phố Cần Thơ và không có nghề nghiệp. Để có tiền tiêu xài cá nhân, T tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Cụ thể như sau:

Vào khoảng 06 giờ ngày 29/12/2023, Trần Ngọc T đón xe buýt từ thành phố Cần Thơ đến địa bàn xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long để trộm cắp tài sản. Khi đến khu đô thị M thuộc ấp P, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, T đi bộ vào khu vực chợ tìm kiếm tài sản của người dân có sơ hở để lấy trộm. Đến khoảng 14 giờ 45 phút cùng ngày, T đi đến quầy bán đồ gia dụng của bà Võ Thị Kim T2, sinh năm 1972, thuộc địa chỉ trên thì T thấy bà T2 đang bán đồ cho khách tại khu vực phía trước quầy và trong quầy không có người trông coi nên T lén lút đi vào bên trong quầy để tìm tài sản. T nhìn thấy tại góc cửa trước bên phải có một túi xách màu tím và thấy cục sạc điện thoại đang ghim vào ổ điện, đầu dây sạc để vào bên trong túi xách. T rút dây sạc khỏi điện thoại và lấy trộm điện thoại di động hiệu Iphone XS Max bên trong túi xách rồi rời khỏi hiện trường.

Sau khi bán hàng cho khách xong, bà T2 vào lấy điện thoại thì phát hiện bị mất trộm điện thoại di động hiệu Iphone XS Max nên xem lại dữ liệu camera được lắp đặt tại quầy thì phát hiện lúc 14 giờ 57 phút ngày 29/12/2023 có một người đàn ông khoảng 60 – 65 tuổi, dáng đi khập khiễng, mặc áo sơ mi dài tay

màu trắng, mặc quần sọt lưng màu xám đã cũ, đầu đội nón kết màu đen, tay cầm một chai nước bằng nhựa màu xanh và xấp vé số lén lút vào bên trong quầy lấy trộm điện thoại di động đang sạc pin của bà T2. Do bận việc mua bán nên bà T2 không đến Công an xã S trình báo sự việc.

Sau khi lấy trộm được điện thoại, T đón xe buýt về lại quận N, thành phố Cần Thơ. Đến khoảng 15 giờ ngày 30/12/2023, T bán điện thoại di động đã lấy trộm được nêu trên cho người đàn ông (không rõ họ tên, địa chỉ) được số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Đến ngày 02/01/2024, T cũng mặc quần áo có đặc điểm như trên đón xe buýt đi từ Cần Thơ đến khu đô thị mới chợ S để tiếp tục tìm tài sản để lấy trộm. Khi đến chợ S, T xuống xe buýt và đi bộ vào bên trong chợ tìm tài sản để lấy trộm. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, T đi bộ đến gần khu vực quầy bán đồ gia dụng của bà T2 thì bà T2 nhìn thấy T có đặc điểm giống người đã lấy trộm tài sản của mình nên bà Tiên tri h và cùng người dân giữ T lại và trình báo sự việc đến Công an xã S. Sau đó Công an xã S đến mời T về trụ sở làm việc thì T khai nhận Toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đồng thời T tự nguyện giao nộp tiền, đồ vật có liên quan gồm:

- Tiền Việt Nam: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng);
- 01 (một) mũ lưỡi trai (nón kết) màu đen, đã qua sử dụng;
- 01 (một) chai nhựa có nắp màu xanh, bao bì bên ngoài màu xanh, nhãn hiệu “Nước yến nha đam” thể tích 500ml, đã qua sử dụng;
- 01 (một) túi ny lon màu đen, loại có quai xách kích thước 72cm x 42cm, đã qua sử dụng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trích xuất dữ liệu camera (gồm 04 đoạn video được lưu trữ vào 01 đĩa DVD) được niêm phong trong phong bì ghi ngày 02/01/2024 đưa vào hồ sơ vụ án.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 02/KL.ĐGTS ngày 05/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: điện thoại di động hiệu Iphone XS Max, đã qua sử dụng, có phần kính cường lực phía trước bị nứt vỡ, mua vào đầu năm 2021, có giá bình quân thị trường: 5.600.000 đồng (Năm triệu sáu trăm ngàn đồng); ốp lưng bằng nhựa (đục) có hoa văn trắng hồng, đã qua sử dụng không có giá trị chuyển nhượng trên thị trường. Tổng giá trị tài sản định giá: 5.600.000 đồng (Năm triệu sáu trăm ngàn đồng).

Ngày 08/01/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định khởi tố bị can đối với Trần Ngọc T về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra, Trần Ngọc T thừa nhận Toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của T phù hợp với lời khai bị hại, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác thể hiện trong hồ sơ vụ án.

Xử lý vật chứng: Xét thấy việc xử lý vật chứng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Ngày 27/3/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T ra quyết định xử lý vật chứng số 258, trả lại cho bà Võ Thị Kim T2 số tiền: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T chuyển các vật chứng sau đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình tiếp tục quản lý gồm: 01 (một) mũ lưỡi trai (nón kết) màu đen, đã qua sử dụng; 01 (một) chai nhựa có nắp màu xanh, bao bì bên ngoài màu xanh, nhãn hiệu “Nước yến nha đam” thể tích 500ml, đã qua sử dụng; 01 (một) túi ny lon màu đen, loại có quai xách kích thước 72cm x 42cm, đã qua sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Võ Thị Kim T2 đã nhận lại số tiền 300.000 đồng. Bà T2 yêu cầu bị cáo Trần Ngọc T tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là: 5.300.000 đồng. Bị cáo Trần Ngọc T đồng ý bồi thường cho bị hại nhưng hiện chưa bồi thường.

Tại Cáo trạng số: 44/CT-VKSTB ngày 08/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình đã truy tố bị cáo Trần Ngọc T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Trần Ngọc T thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình truy tố bị cáo là đúng hành vi, không oan.

Đối với đối tượng đã mua điện thoại di động hiệu Iphone XS Max, đã qua sử dụng do Trần Ngọc T trộm cắp mà có. T không biết tên, tuổi và địa chỉ người này. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không xác định được đối tượng nên không đề cập xử lý.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trần Ngọc T về tội “Trộm cắp tài sản”. Sau khi phân tích nguyên nhân, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng cho bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Trần Ngọc T mức án từ 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng đến 04 (Bốn) năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, công nhận sự tự nguyện của bị cáo T đồng ý bồi thường cho bị hại T2 số tiền 5.300.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 mũ lưỡi trai (nón kết) màu đen, đã qua sử dụng; 01 chai nhựa có nắp màu xanh, bao bì bên ngoài màu xanh, nhãn hiệu “nước yến nha đam” thể tích 500ml, đã qua sử dụng; 01 túi nylon màu đen, loại có quai xách kích thước 72cmx42cm, đã qua sử dụng.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản hỏi cung bị can cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa thể hiện: Vào lúc 14 giờ 57 phút ngày 29/12/2023, tại quầy bán đồ gia dụng của bà Võ Thị Kim T2 thuộc khu đô thị M thuộc ấp P, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Do cần tiền để tiêu xài cá nhân, bị cáo Trần Ngọc T đã có hành vi lén lút lấy trộm 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone XS Max, có ốp lưng bằng nhựa màu trắng hồng, đã qua sử dụng trị giá: 5.600.000 đồng (Năm triệu sáu trăm ngàn đồng) của bà T2. Sau đó, Trần Ngọc T đem bán điện thoại trên cho người đàn ông (không rõ họ tên, địa chỉ) tại quận N, thành phố Cần Thơ với số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Hành vi của bị cáo Trần Ngọc T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như truy tố của Viện kiểm sát là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật và có căn cứ.

[2.2] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bản thân bị cáo có sức khỏe lại không chịu chí thú làm ăn. Bị cáo với thái độ thích thụ hưởng, lười lao động để có tiền phục vụ tiêu xài cá nhân, bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Bị cáo có nhân thân xấu, đã chấp hành nhiều bản án phạt tù tội Trộm cắp tài sản nhưng vẫn không sửa đổi. Hành vi của bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Vì vậy, cần xử lý bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm cải tạo, giáo

dục bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội và ngăn chặn những trường hợp tương tự có thể xảy ra.

[2.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo tự nguyện bồi thường khắc phục một phần thiệt hại; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[2.4] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa sơ thẩm: Bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng theo lời khai trong hồ sơ vụ án bị hại T2 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền còn lại là 5.300.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại.

Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo và bị hại, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên cần công nhận sự tự nguyện này theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.5] Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người bị thi hành án chưa tự nguyện thi hành án xong thì phải chịu thêm phần tiền lãi trên số tiền phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với khoản thời gian chưa thi hành án xong.

[2.6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy vật chứng 01 mũ lưỡi trai (nón kết) màu đen, đã qua sử dụng; 01 chai nhựa có nắp màu xanh, bao bì bên ngoài màu xanh, nhãn hiệu “nước yến nha đam” thể tích 500ml, đã qua sử dụng; 01 túi nylon màu đen, loại có quai xách kích thước 72cmx42cm, đã qua sử dụng.

3. Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Trần Ngọc T thuộc đối tượng người cao tuổi được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

1.1 Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1.2 Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Ngọc T 04 (Bốn) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 02/01/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo Trần Ngọc T đồng ý bồi thường cho bị hại Võ Thị Kim T2 số tiền còn lại là 5.300.000 đồng (Năm triệu ba trăm đồng).

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người bị thi hành án chưa tự nguyện thi hành án xong thì phải chịu thêm phần tiền lãi trên số tiền phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với khoản thời gian chưa thi hành án xong.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) mũ lưỡi trai (nón kết) màu đen, đã qua sử dụng; 01 (Một) chai nhựa có nắp màu xanh, bao bì bên ngoài màu xanh, nhãn hiệu “nước yến nha đam” thể tích 500ml, đã qua sử dụng; 01 (Một) túi nylon màu đen, loại có quai xách kích thước 72cmx42cm, đã qua sử dụng.

Hiện vật chứng đang quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình theo biên bản giao nhận vật chứng, vụ án ngày 16/4/2024.

4. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn tiền án phí sơ thẩm cho bị cáo Trần Ngọc T.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng hồ sơ – Công an tỉnh Vĩnh Long
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- CQĐT Công an huyện Tam Bình;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Tam Bình;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- UBND phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thanh Thảo